CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Ngày 30/06/2025	72,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.9%	**-4.0%**	**2.3%**

DT thuần
Q2/25
427
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 112| 35.5%
YoY: ▲ 97.0| 29.4%

LN thuần
Q2/25
72.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.9| 35.3%
YoY: ▲ 45.8| 171%

LN sau thuế
Q2/25
59.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.2| 31.5%
YoY: ▲ 40.4| 214%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
17.2%
YoY: +/-▼ 2.3%

ROE (TTM)
Q2/25
18.1%
YoY: +/-▲ 7.3%

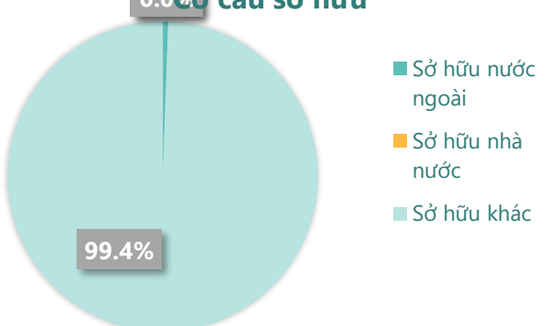
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	62,240 - 76,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,037
Số lượng CPLH (CP)	14,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,800
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.80
EPS	9,467
P/E	7.6

DT thuần
6T 2025
741
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 209| 39.4%

LN thuần
6T 2025
126
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 66.0| 110%

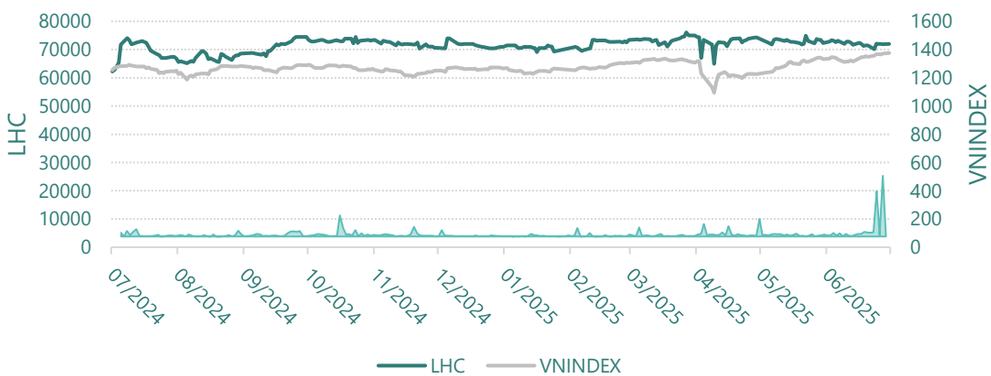
LN sau thuế
6T 2025
104
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.7| 131%

Cơ cấu sở hữu

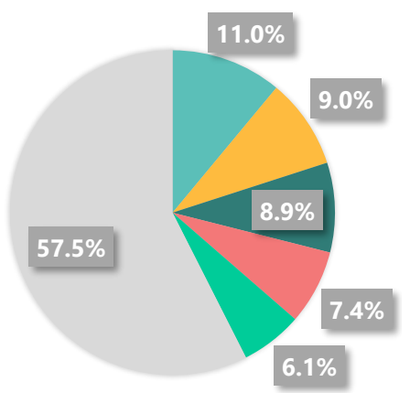


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

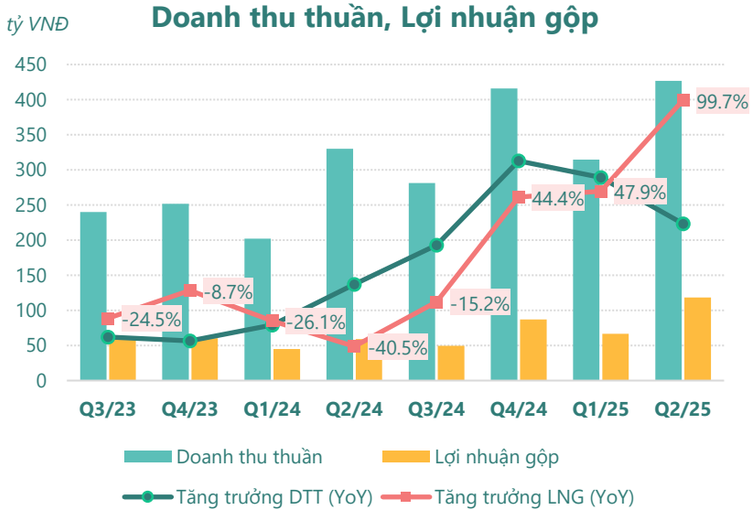


- Đinh Tuấn Anh
- Nguyễn Thị Mai Lan
- Trần Việt Thắng (Thành viên HĐQT)
- Lê Đình Hiển (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Phước Hòa
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

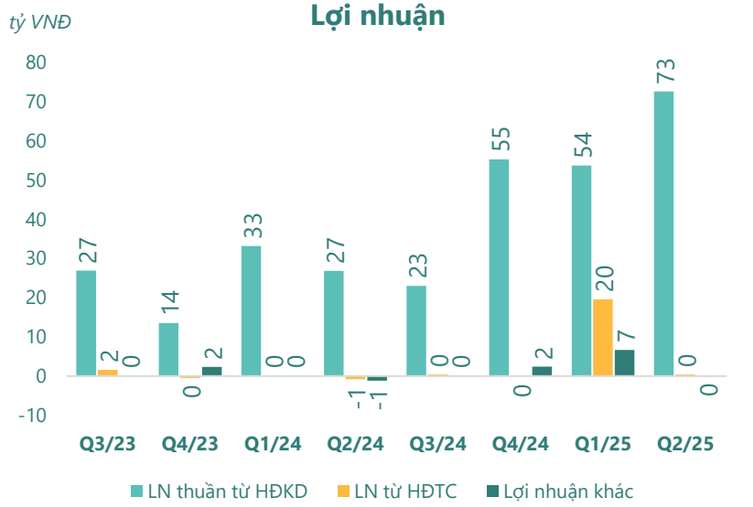
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



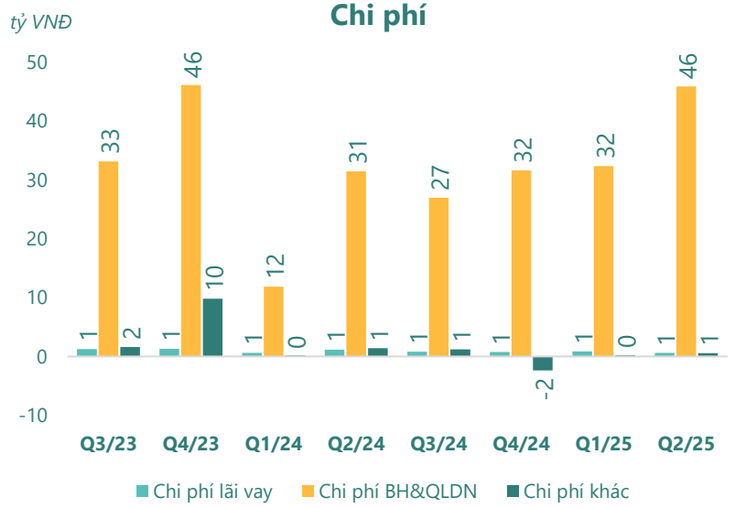
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



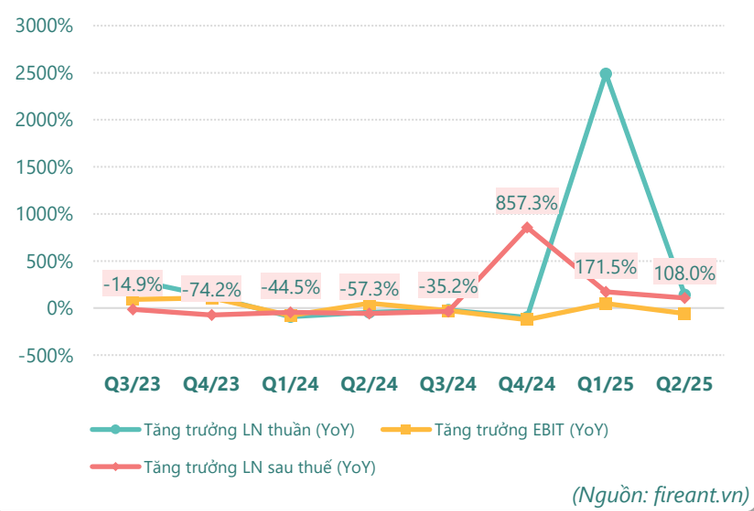
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



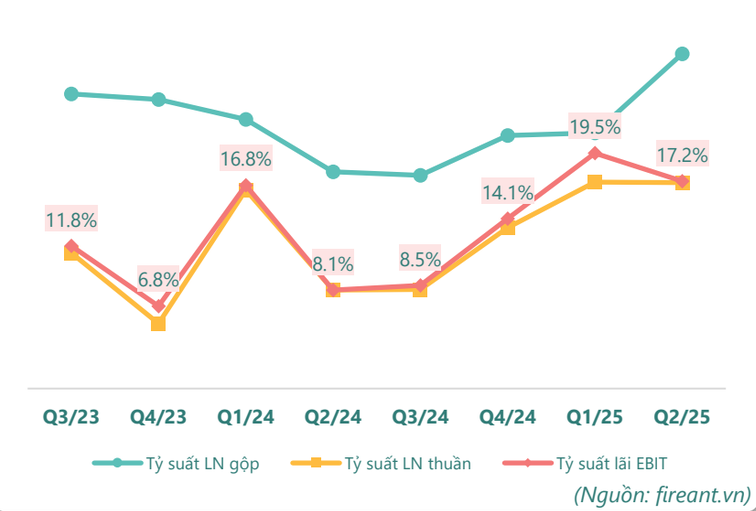
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



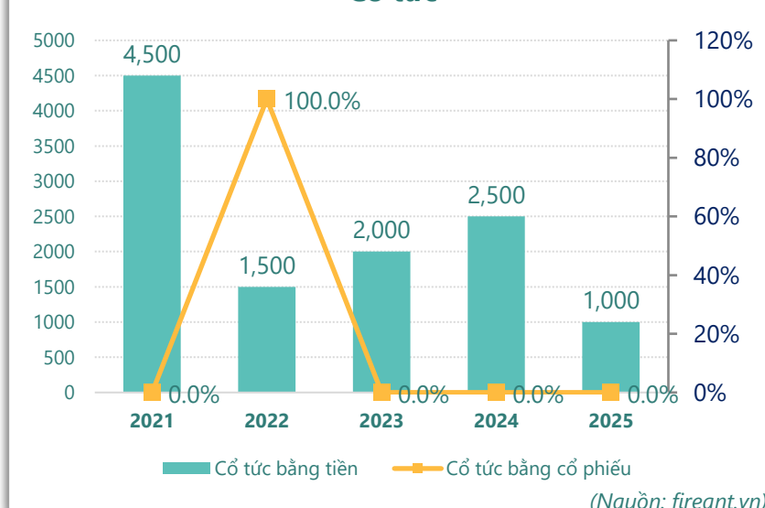
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



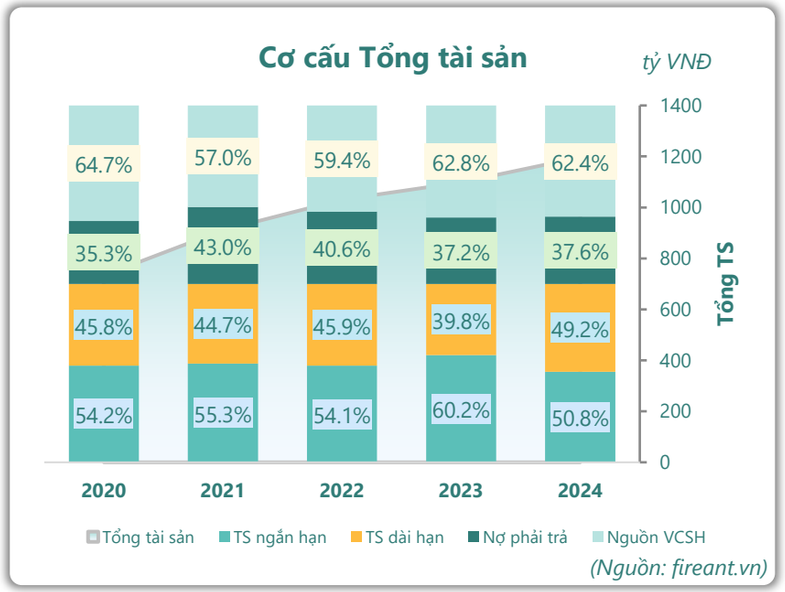
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

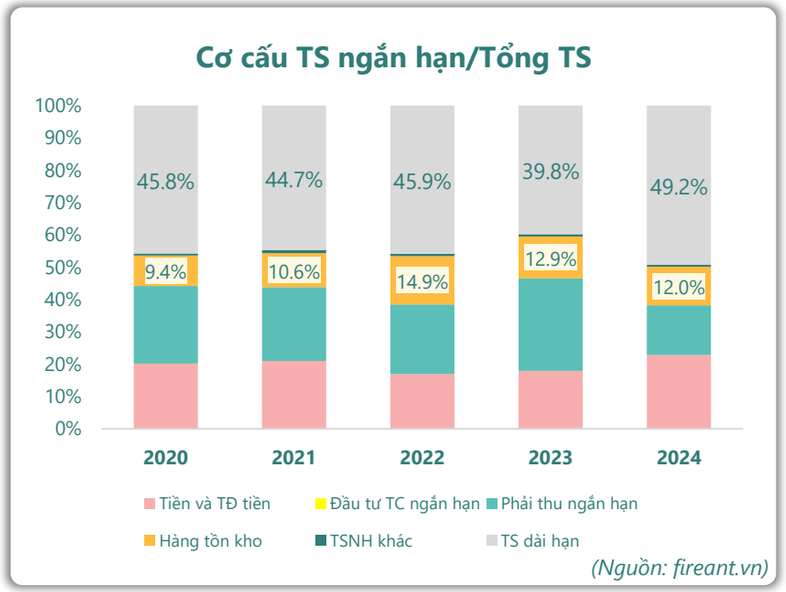


(Nguồn: fireant.vn)

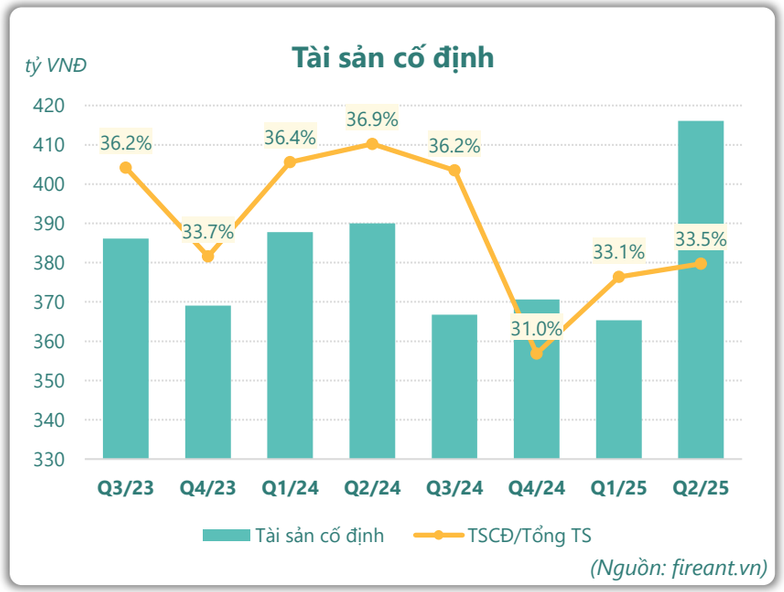
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



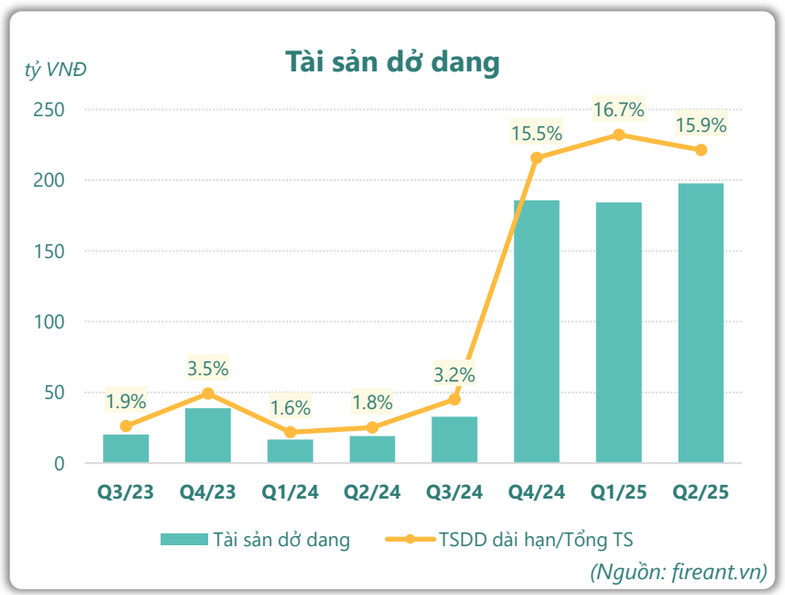
(Nguồn: fireant.vn)



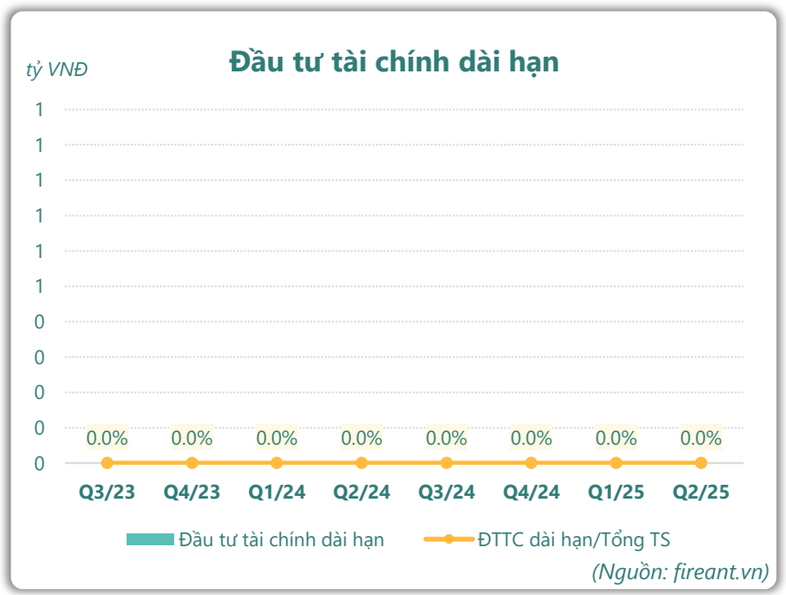
(Nguồn: fireant.vn)



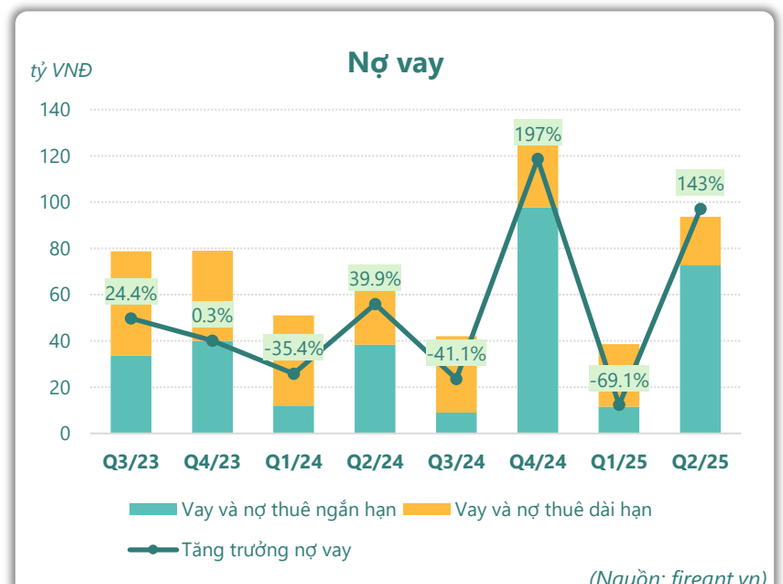
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



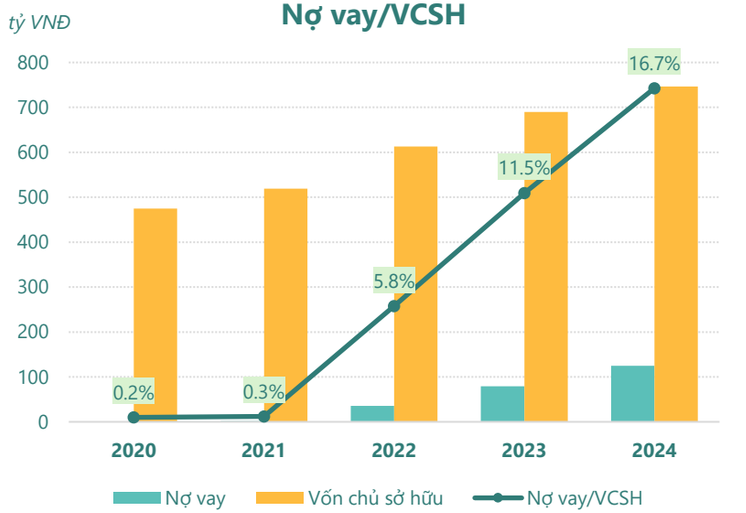
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

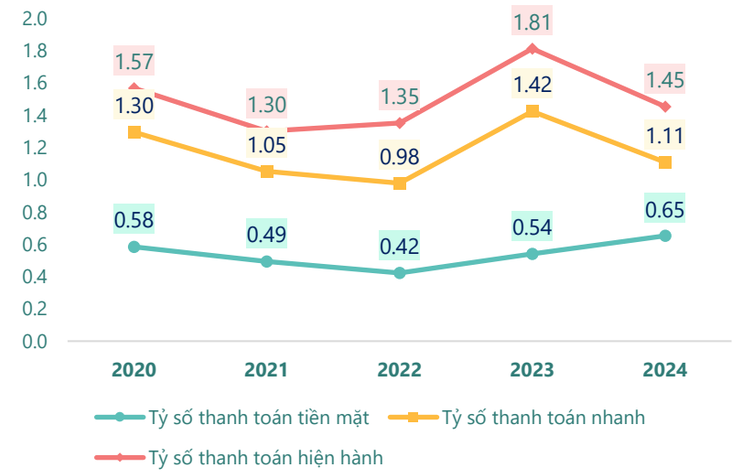
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



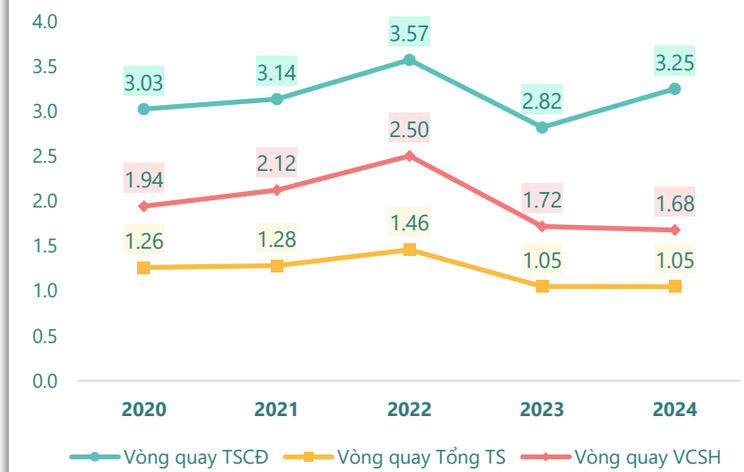
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



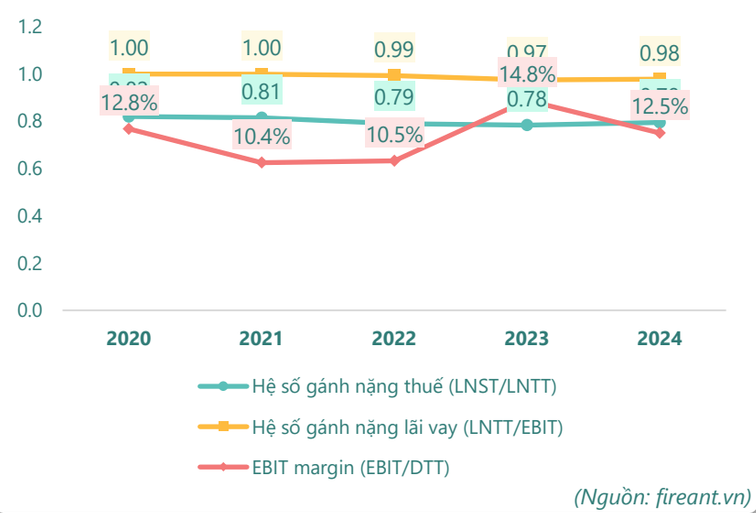
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



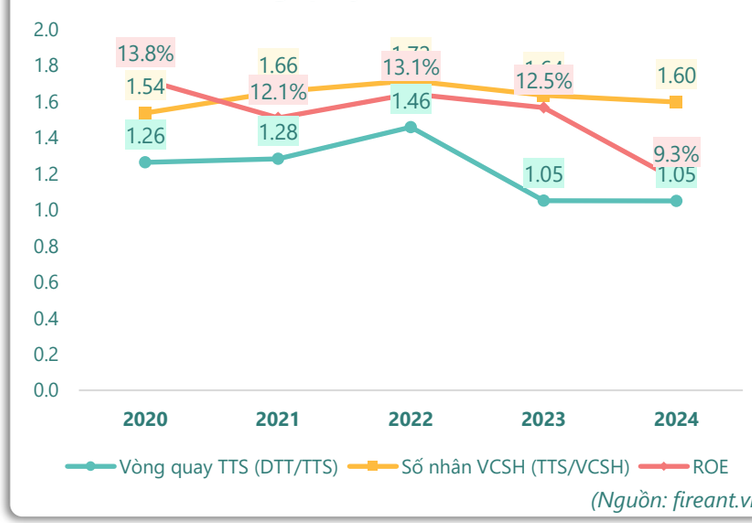
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



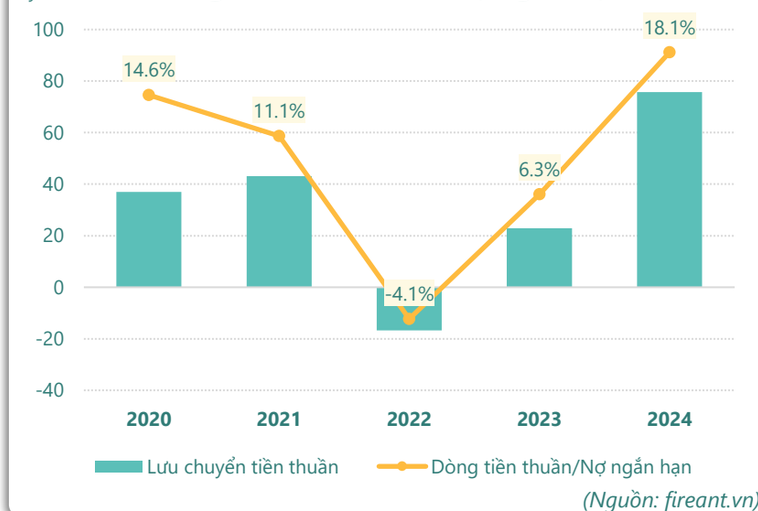
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**427**	**330**	**29.4%**	**741**	**532**	**39.4%**
Giá vốn hàng bán	309	271	13.9%	557	428	30.1%
Lợi nhuận gộp	118	59.1	99.9%	185	104	77.3%
Doanh thu HĐTC	-0.12	0.36	-134%	21.6	1.32	1538%
Chi phí TC	-0.55	1.17	-147%	1.60	2.02	-20.8%
Chi phí lãi vay	0.60	1.17	-48.6%	1.48	1.79	-17.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.13	2.54	-55.6%	3.10	3.15	-1.6%
Chi phí QLDN	**44.8**	**29.0**	**54.5%**	**75.2**	**40.2**	**87.0%**
LN thuần từ HĐKD	72.6	26.8	171%	126	60.0	110%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-1.16**	**99.0%**	**6.63**	**-1.04**	**739%**
LN trước thuế	72.6	25.7	183%	133	59.0	125%
Lợi nhuận sau thuế	**59.3**	**18.9**	**214%**	**104**	**45.3**	**131%**
LNST của CĐ cty mẹ	**67.2**	**10.1**	**565%**	**104**	**27.5**	**279%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-28.3	23.4	41.7	181	-63.3	88.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.0	-24.8	-17.2	-68.2	62.6	-82.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.9	-4.76	-50.2	68.6	-86.1	37.1
Tiền đầu kỳ	197	123	117	91.3	273	186
Lưu chuyển tiền thuần	**-74.3**	**-6.11**	**-25.6**	**182**	**-86.8**	**43.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.03	0.03	0	0	0
Tiền cuối kỳ	123	117	91.3	273	186	230

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,241**	**1,197**	**3.7%**
Tài sản ngắn hạn	594	608	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	230	273	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	241	184	31.2%
Hàng tồn kho	118	144	-18.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.14	7.01	-12.4%
Tài sản dài hạn	**647**	**589**	**9.8%**
Phải thu dài hạn	3.21	3.20	0.2%
Tài sản cố định	416	372	11.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	198	185	7.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**29.6**	**29.1**	**1.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	445	450	-1.1%
Nợ ngắn hạn	**423**	**418**	**1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.7	97.7	-25.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	58.1	91.7	-36.6%
Nợ dài hạn	22.4	32.3	-30.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	27.0	-22.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**796**	**746**	**6.7%**
Vốn chủ sở hữu	**796**	**746**	**6.7%**
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)